

Bản án số: 124/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Thành Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Thị S**, sinh năm 1988. Địa chỉ: tổ 7, ấp Sơn An, xã H, tỉnh A. (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Thạch Vanh Đ**, sinh năm 1996. Địa chỉ: tổ 7, ấp Sơn An, xã H, tỉnh A (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị S trình bày như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Thị S và anh Thạch Vanh Đ tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu và yêu thương nhau. Sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/10/2023.

Những năm đầu của hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cự cãi bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng và không hàn gắn được nên chị S và anh Đ đã sống ly thân với nhau hơn 5 tháng nay. Trong thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm S nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị Thị S yêu cầu được ly hôn anh Thạch Vành Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Thị S xác định chị và anh Đ có 02 người con chung tên Thạch Vành Tình, sinh ngày 16/02/2021 và Thạch Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 27/6/2022. Hiện cháu Tình Đng sống cùng chị S và cháu Tiên Đng sống cùng anh Đ. Ly hôn chị Thị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tình đến tuổi trưởng thành và đồng ý giao cháu Tiên cho anh Đ chăm S nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị S không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Tình và chị cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Tiên.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Thị S xác định quá trình chung sống với nhau, chị và anh Thạch Vành Đ không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Theo bản tự khai đề ngày 07/8/2025 bị đơn anh Thạch Vành Đ trình bày như sau:**

Anh Thạch Vành Đ và chị Thị S kết hôn với nhau vào năm 2021, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/10/2023. Quá trình chung sống với nhau giữa vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân, anh chị cũng đã hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không thay đổi gì. Do đó nay chị Thị S yêu cầu ly hôn với anh Đ thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác định anh và chị Thị S có hai người con chung tên Thạch Vành Tình, sinh ngày 16/02/2021 và Thạch Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 27/6/2022. Theo đơn khởi kiện chị S đồng ý giao cháu Mỹ Tiên cho anh nuôi dưỡng nên anh đồng ý với ý kiến này, còn cháu Thạch Vành Tình thì anh Đ đồng ý giao cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi cháu Tình và anh cũng không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi cháu Tiên.

Về tài sản và nợ chung: Anh Thạch Vành Đ xác định anh và chị Thị S không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Vành Đ. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Thạch Vành Đ có nơi cư trú tại ấp Sơn An, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thị S và bị đơn anh Thạch Vành Đ vắng mặt nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Thị S và anh Thạch Vành Đ được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2021 theo phong tục địa phương. Đến năm 2023 thì anh chị mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Hòn Đất, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 02/10/2023. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thị S và anh Thạch Vành Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Vành Đ. Tại bản tự khai anh Đ cũng đồng ý với yêu cầu của chị Thị S. Do đó căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị S và anh Thạch Vành Đ.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị S và anh Đ xác định anh chị có hai người con chung tên Thạch Vành Tình, sinh ngày 16/02/2021 và Thạch Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 27/6/2022. Chị Thị S đồng ý giao cháu Mỹ Tiên cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh Thạch Vành Đ đồng ý giao cháu Tình cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Thị S và anh Thạch Vành Đ. Giao cháu Thạch Vành Tình, sinh ngày 16/02/2021 cho chị Thị S chăm S nuôi dưỡng, giao cháu Thạch Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 27/6/2022 cho anh Thạch Vành Đ chăm S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Thị S và anh Thạch Vành Đ, anh chị đều không yêu cầu xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Thị S và anh Thạch Vành Đ xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Thị S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị S và anh Thạch Vành Đ.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Thị S và anh Thạch Vành Đ về việc: Giao cháu Thạch Vành Tình, sinh ngày 16/02/2021 cho chị Thị S trực tiếp chăm S, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và giao cháu Thạch Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 27/6/2022 cho anh Thạch Vành Đ trực tiếp chăm S, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị S và anh Thạch Vành Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm S con chung: Trong thời gian chị Thị S và anh Thạch Vành Đ nuôi con; chị Thị S và anh Thạch Vành Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Thị S và anh Thạch Vành Đ xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016153 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị S không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THA khu vực 4 – An Giang;
- UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An